TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/LĐ-PT
Ngày: 22-01-2018
V/v "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Khải
Các Thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế
Ông Phạm Hùng Nuôi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Thúy Duy, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Trí, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2017/TLPT-LĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017, về việc *"Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"*.

Do bản án lao động sơ thẩm số 01/2017/LĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2017/QĐ-PT ngày 16-11-2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1987, địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh S (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn H2, Luật sư Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt).

- *Bị đơn:* Trường Cao đẳng S

Địa chỉ: ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Minh N, chức vụ: Trưởng Phòng Thanh tra Trường Cao đẳng S, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, theo Giấy ủy quyền ngày 23-11-2017 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng S (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31-8-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 trình bày và yêu cầu:

Bà làm việc tại Trường Cao đẳng S từ ngày 01-8-2010 đến ngày 31-12-2015 với nhiệm vụ là kế toán và theo sự phân công của lãnh đạo nhà trường Trường T (thuộc Trường Cao đẳng S), mỗi năm ký hợp đồng lao động một lần, mỗi lần ký hợp đồng với thời hạn 01 năm (từ ngày 01-8 năm trước đến ngày 31-7 năm sau), nhưng đến hợp đồng lao động số 78 ngày 31-8-2015 thì Trường Cao đẳng S chỉ ký hợp đồng lao động với thời hạn 05 tháng (từ ngày 01-8-2015 đến ngày 31-12-2015), với nhiệm vụ làm kế toán Trường Cao đẳng S. Mặc dù theo hợp đồng lao động số 78 ngày 31-8-2015 nhiệm vụ của bà là làm kế toán nhưng trên thực tế Trường không giao nhiệm vụ kế toán và cũng không giao nhiệm vụ khác cho bà. Khi ký hợp đồng ngày 31-7-2015 bà có thắc mắc với bộ phận tổ chức lý do tại sao chỉ ký hợp đồng lao động thời hạn 05 tháng thì được trả lời đó là ý kiến chỉ đạo của Hiệu trưởng nên bà ký hợp đồng. Đến ngày 20-10-2015, Trường Cao đẳng S có thông báo cho bà về việc không tiếp tục ký hợp đồng lao động mới với bà khi hợp đồng lao động số 78 ngày 31-7-2015 hết hạn. Đến ngày 07-12-2015 Hiệu trưởng Trường Cao đẳng S ban hành quyết định số 267/QĐ-CĐSP về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà kể từ ngày 31-12-2015. Bà cho rằng Trường Cao đẳng S chấm dứt hợp đồng lao động với bà là không đúng. Nay bà yêu cầu Trường Cao đẳng S nhận bà trở lại làm việc và bồi thường cho bà tiền lương với hệ số 2,34, tiền bảo hiểm xã hội 22%, các khoản phụ cấp bán trú là 2.500.000 đồng/tháng từ lúc bà bị cho nghỉ việc đến ngày xét xử sơ thẩm và hai tháng lương (3.454.308 đồng/tháng) do ký hợp đồng không đúng thời hạn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trường Cao đẳng S trình bày:

Trường Cao đẳng S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H1 với lý do như sau: Vào ngày 01-8-2010 Trường Cao đẳng S có ký hợp đồng lao động với bà Trần Thị Thanh H1, thời hạn hợp đồng là 01 năm, sau đó hàng năm đều ký lại hợp đồng lao động mới cũng với thời hạn một năm. Đến năm 2015, do không còn biên chế và để đảm bảo quyền lợi cho bà H1 được hưởng các chế độ cuối năm nên ngày 31-7-2015 Trường Cao đẳng S có ký hợp đồng lao động số 78 với bà Trần Thị Thanh H1, thời hạn là 05 tháng. Trước khi hết hạn hợp đồng ngày 20-10-2015 Trường có thông báo cho bà H1 biết việc không tiếp tục ký hợp đồng lao đồng với bà H1 khi hợp đồng số 78 ngày 31-7-2015 hết hạn.Việc thực hiện các chế độ sau khi nghỉ việc của bà H1 thì Trường Cao đẳng S đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đối với hợp đồng số 56 ngày 31-7-2015 do bà H1 cung cấp có thể là do sơ xuất khi ghi số còn về nội dung thì hợp đồng số 78 và hợp đồng số 56 ngày 31-7- 2015 có nội dung giống như nhau.

Bản án lao động sơ thẩm số 01/2017/DS-ST, ngày 20-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S đã quyết định:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 25 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng khoản 1 Điều 36 Bộ luật lao động.

- Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H1 về việc bà yêu cầu Trường Cao đẳng S nhận bà trở lại làm việc và bồi thường cho bà tiền lương với hệ số 2,34, bảo hiểm xã hội 22%, các khoản phụ cấp bán trú là 2.500.000 đồng/tháng từ lúc bà H1 bị cho nghỉ việc đến ngày xét xử sơ thẩm và hai tháng lương (3.454.308 đồng/tháng) do ký hợp đồng không đúng thời hạn.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000 đồng, bà H1 được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002981 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S, bà H1 đã nộp xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02-10-2017, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 kháng cáo không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc Trường Cao đẳng S nhận bà trở lại làm việc và bồi thường cho bà tiền lương với hệ số 2,34, bảo hiểm xã hội 22%, các khoản phụ cấp bán trú là 2.500.000 đồng/tháng từ lúc bà bị cho nghỉ việc đến ngày xét xử sơ thẩm và hai tháng lương (3.454.308 đồng/tháng) do ký hợp đồng không đúng thời hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, nhưng thay đổi một phần đơn kháng cáo là không yêu cầu Trường Cao đẳng S bồi thường phụ cấp bán trú nữa mà chỉ yêu cầu Trường nhận bà trở lại làm việc và bồi thường cho bà tiền lương trong thời gian bà không được làm việc cho đến ngày nhận trở lại làm việc và bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương, cũng như giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội (kể cả bảo hiểm y tế) theo quy định của pháp luật; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc Trường Cao đẳng S nhận bà H1 trở lại làm việc và bồi thường cho bà tiền lương với hệ số 2,34, bảo hiểm xã hội 22% (kể cả bảo hiểm y tế), từ lúc bà H1 bị cho nghỉ việc đến ngày nhận bà H1 làm việc trở lại và hai tháng lương (3.454.308 đồng/tháng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 01/2017/LĐ-ST ngày 20-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải nhận nguyên đơn trở lại làm việc và giải quyết các quyền lợi của nguyên đơn theo hợp đồng lao động đã giao kết và theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 rút lại một phần nội dung kháng cáo là không yêu cầu Trường Cao đẳng S bồi thường các khoản bồi dưỡng ăn sáng và phụ cấp bán trú, mỗi tháng bình quân 2.500.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử không xem xét và đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo nêu trên của nguyên đơn H1, theo quy định tại khoản 3 Điều 284 và khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu buộc bị đơn phải trả các khoản tiền bồi thường do ký kết hợp đồng không đúng quy định của pháp luật, bao gồm: Tiền lương (hệ số 2,34), tiền bảo hiểm xã hội 22% (bao gồm cả bảo hiểm y tế) tính từ ngày 01-01-2016 đến ngày nhận nguyên đơn vào làm việc lại và hai tháng tiền lương. Thấy rằng, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có ký tổng cộng 05 hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng, cụ thể: Hợp đồng lao động số 06/HĐ-CĐSP ngày 01-8-2010; hợp đồng lao động số 09/HĐ-CĐSP ngày 26-7-2011; hợp đồng lao động số 08/HĐ-CĐSP ngày 01-8-2012; hợp đồng lao động số 31/HĐ-CĐSP ngày 01-8-2013; hợp đồng lao động số 53/HĐ-CĐSP ngày 28-7-2014 và một hợp đồng lao động có thời hạn 05 tháng: Hợp đồng lao động số 78/HĐ-CĐSP ngày 31-7-2015.

[3] Ngày 20-10-2015, Trường Cao đẳng S ban hành Thông báo số 58/TB-CĐSP, về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị Thanh H1 (bút lục số 61). Đến ngày 07-12-2015, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng S ban hành Quyết định số 267/QĐ-CĐSP, về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị Thanh H1 (bút lục số 60), tại Điều 1 của Quyết định có nội dung: "Chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị Thanh H1 từ ngày 31-12-2015". Thông báo số 58 và Quyết định số 267 nêu trên được Trường Cao đẳng S gửi cho bà Trần Thị Thanh H1.

[4] Xét thấy, Điều 27 của Bộ luật lao động năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002) quy định:

[5] *"1. Hợp đồng lao động phải được giao kết theo một trong các loại sau đây:*

[6] *a) Hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng;*

[7] *b) Hợp đồng lao động xác định thời hạn. Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; c) Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.*

[8] *2. Khi hợp đồng lao động quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này hết hạn mà người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hết hạn, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động mới; nếu không ký kết hợp đồng lao động mới, hợp đồng đã giao kết trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Trường hợp hai bên ký kết hợp đồng lao động mới là hợp đồng xác định thời hạn thì cũng chỉ được ký thêm một thời hạn, sau đó nếu người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì phải ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn.*

[9] *3. Không được giao kết hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định mà thời hạn dưới 12 tháng để làm những công việc có tính chất thường xuyên từ 12 tháng trở lên, trừ trường hợp phải tạm thời thay thế người lao động đi làm nghĩa vụ quân sự, nghỉ theo chế độ thai sản, ốm đau, tai nạn lao động hoặc nghỉ việc có tính chất tạm thời khác".*

[10] Điều 22 của Bộ luật lao động năm 2012 quy định:

[11] *"1. Hợp đồng lao động phải được giao kết theo một trong các loại sau đây:*

[12] *a) Hợp đồng lao động không xác định thời hạn; Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng.*

[13] *b) Hợp đồng lao động xác định thời hạn; Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian từ đủ 12 tháng đến 36 tháng.*

[14] *c) Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.*

[15] *2. Khi hợp đồng lao động quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này hết hạn mà người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hết hạn, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động mới; nếu không ký kết hợp đồng lao động mới thì hợp đồng đã giao kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng đã giao kết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trở thành hợp đồng lao động xác định thời hạn với thời hạn là 24 tháng. Trường hợp hai bên ký kết hợp đồng lao động mới là hợp đồng xác định thời hạn thì cũng chỉ được ký thêm 01 lần, sau đó nếu người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì phải ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn.*

[16] *3. Không được giao kết hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng để làm những công việc có tính chất thường xuyên từ 12 tháng trở lên, trừ trường hợp phải tạm thời thay thế người lao động đi làm nghĩa vụ quân sự, nghỉ theo chế độ thai sản, ốm đau, tai nạn lao động hoặc nghỉ việc có tính chất tạm thời khác".*

[17] Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 27 của Bộ luật lao động năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002) và khoản 2 Điều 22 của Bộ luật lao động năm

2012 thì sau khi hợp đồng lao động số 06/HĐ-CĐSP ngày 01-8-2010 hết thời hạn 12 tháng thì Trường Cao đẳng S và bà Trần Thị Thanh H1 phải ký loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn, trường hợp hai bên ký kết hợp đồng lao động mới là hợp đồng xác định thời hạn thì cũng chỉ được ký thêm một lần. Vì vậy, kể từ hợp đồng thứ ba (hợp đồng lao động số 08/HĐ-CĐSP ngày 01-8-2012) bắt buộc phải là hợp đồng không xác định thời hạn. Trường Cao đẳng S ký kết với bà Trần Thị Thanh H1 các hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng: Hợp đồng lao động số 08/HĐ-CĐSP ngày 01-8-2012; hợp đồng lao động số 31/HĐ-CĐSP ngày 01-8-2013; hợp đồng lao động số 53/HĐ-CĐSP ngày 28-7-2014 và hợp động lao động mùa vụ có thời hạn 05 tháng: Hợp đồng lao động số 78/HĐ-CĐSP ngày 31-7-2015, là không đúng với quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Bộ luật lao động năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002) cũng như khoản 2 và khoản 3 Điều 22 của Bộ luật lao động năm 2012.

[18] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn Trường Cao đẳng S trình bày việc ký kết hợp đồng lao động số 78/HĐ-CĐSP ngày 31-7-2015 có thời hạn 05 tháng là do bảo đảm phúc lợi cuối năm cho bà H1 và theo sự thỏa thuận của các bên. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà H1 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Bộ luật lao động năm 2012, vì do hết thời hạn hợp đồng (05 tháng), do việc tinh giản biên chế, đồng thời do bà H1 có những vi phạm trong công việc kế toán và được Hội đồng kỷ luật viên chức của Trường Cao đẳng S xem xét kiểm điểm rút kinh nghiệm.

[19] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14-12-2017, người đại diện hợp pháp của bị đơn có cung cấp Biên bản ngày 13-7-2015 của Hội đồng kỷ luật viên chức, về việc xem xét kỷ luật viên chức: Trần Thị Thanh H1, Kế toán Trường Cao đẳng S (bản sao). Nhưng, tại Biên bản nêu trên Hội đồng kỷ luật viên chức đã kết luận không kỷ luật bà H1 mà chỉ kiểm điểm rút kinh nghiệm. Hơn nữa, tại các phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà H1 thuộc trường hợp tinh giản biên chế và các trường hợp người sử dụng lao động được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật lao động năm 2012. Mặt khác, như đã phân tích ở trên, hợp đồng lao động số 78/HĐ-CĐSP ngày 31-7-2015 được ký kết giữa Trường Cao đẳng S và bà Trần Thị Thanh H1 là không đúng quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Bộ luật lao động năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002) và khoản 2 và khoản 3 Điều 22 của Bộ luật lao động năm 2012. Do đó, Trường Cao đẳng S đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị Thanh H1 là trái pháp luật, không đúng quy định tại Điều 38 của Bộ luật lao động năm 2012.

[20] Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật lao động năm 2012 quy định nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật như sau: "*Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động*".

[21] Vì vậy, bà H1 khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn Trường Cao đẳng S nhận bà trở lại làm việc, trả tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội (kể cả bảo hiểm y tế) kể từ ngày bà H1 không được làm việc (ngày 01-01-2016) cho đến khi nhận trở lại làm việc và hai tháng tiền lương theo hợp đồng lao động đã giao kết là có cơ sở chấp nhận.

[22] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà H1 là không đúng pháp luật. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H1, buộc bị đơn Trường Cao đẳng S nhận bà H1 trở lại làm việc và trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày bà H1 không được làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và theo quy định của pháp luật, theo mức lương bà H1 được hưởng trước khi bị chấm dứt hợp đồng lao động 2,34. Bị đơn Trường Cao đẳng S còn phải trả (bồi thường) cho bà H1 02 (hai) tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, cụ thể như sau: (2.691.000 đồng x 02 tháng = 5.382.000 đồng.

[23] Ngoài ra, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 được miễn nộp toàn bộ tiền án phí, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật, vì Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 quy định: *"Những trường hợp sau đây được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí: ....2. Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội..; giải quyết những vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc vì bị sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật"*. Cấp phúc thẩm sẽ sửa lại phần này cho đúng.

[24] Do đó, kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn H1 về việc chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H1, là có căn cứ chấp nhận.

[25] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn H1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H1, buộc bị đơn Trường Cao đẳng S phải nhận nguyên đơn H1 trở lại làm việc và giải quyết các quyền lợi của nguyên đơn theo hợp đồng lao động đã ký kết và theo quy định của pháp luật, là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[26] Về án phí lao động sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên về phần án phí sơ thẩm cũng phải được điều chỉnh cho phù hợp, như sau:

[27] - Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002981 ngày 06-10-2016.

[28] - Bị đơn Trường Cao đẳng S phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

[29] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[30] Về án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008738 ngày 02-10-2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 284, khoản 3 Điều 289 và Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 về yêu cầu bị đơn phải trả các khoản bồi dưỡng ăn sáng và phụ cấp bán trú, bình quân 2.500.000 đồng/tháng từ ngày bà H1 không được làm việc đến khi nhận trở lại làm việc.

2. Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1.

Sửa Bản án lao động sơ thẩm số 01/2017/LĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H1.

Buộc bị đơn Trường Cao đẳng S phải nhận nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết, đồng thời phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày bà H1 không được làm việc (từ ngày 01-01-2016) đến khi nhận trở lại làm việc), theo hợp đồng lao động đã giao kết và theo quy định của pháp luật, theo mức lương 2,34; cộng với 02 (hai) tháng lương với số tiền là 5.382.000đ (năm triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị Thanh H1 có đơn yêu cầu thi hành án, Trường Cao đẳng S không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Trần Thị Thanh H1 thì Trường Cao đẳng S còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (10%/năm).

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H1 về buộc bị đơn Trường Cao đẳng S trả cho bà H1 các khoản bồi dưỡng ăn sáng và phụ cấp bán trú, bình quân 2.500.000 đồng/tháng từ ngày bà H1 không được làm việc đến khi nhận trở lại làm việc.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

+ Bà Trần Thị Thanh H1 được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm. Bà H1 được nhận lại số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002981 ngày 06-10-2016.

3. Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Thanh H1 được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Thanh H1 số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008738 ngày 02-10-2017.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Đức Khải

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.